

QUY CHẾ

Thực hiện công khai của trường mầm non Nam Hải năm học 2023-2024
(Ban hành theo Quyết định số 49/QĐ-MNNH ngày 12 tháng 09 năm 2023 của
của Hiệu trưởng Trường mầm non Nam Hải)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định về thực hiện công khai của trường Mầm Non Nam Hải, theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo.
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) và phụ huynh trường mầm non Nam Hải thực hiện nghiêm túc sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của trường mầm non Nam Hải về chất lượng giáo dục, công khai về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu chi tài chính để phụ huynh, CBGVNV của trường tham gia giám sát và đánh giá trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện công khai của trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.
2. Thông tin được công khai tại trường mầm non Nam Hải trong Quy chế này phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

CHƯƠNG II. THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

Điều 4: Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được. Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện. Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển. Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01- trong phụ lục của quy chế).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Đối với các cơ sở giáo dục công lập: công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Công khai trên thông tin điện tử và công khai trong các cuộc họp tháng của CBGVNV nhà trường đảm bảo tính đầy đủ chính xác và cập nhật thường xuyên khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b) Niêm yết công khai tại trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

c) Bất cứ lúc nào trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy chế này, cơ sở giáo dục thực hiện công khai như sau:

a) Đối với trẻ mới tiếp nhận: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi trường tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

b) Đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tại trường: phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6: Trách nhiệm của Hiệu Trưởng

1. Tổ chức triển khai qui chế công khai theo Thông tư 36/2017-TT-BGD&ĐT đến hội đồng sư phạm, phụ huynh học sinh.

2. Thành lập ban chỉ đạo thực hiện qui chế công khai, phân công trách nhiệm phụ trách đối với các thành viên.

3. Xây dựng qui chế với các nội dung, thời gian và hình thức công khai của đơn vị theo Thông tư 36/2017-TT-BGDĐT. Căn cứ thực tế của đơn vị xây dựng phần kế hoạch cụ thể của năm học 2023-2024.

4. Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của Phòng GD-ĐT; báo cáo kịp thời về Phòng GD-ĐT vào đầu mỗi học kỳ, mở thêm mục trong báo cáo hàng tháng của trường.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai, các tổ chuyên môn và nhân viên trong nhà trường

- Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ như đã được phân công trong quyết định số /QĐ-MN, ngày 12/9/2023 về việc thành lập ban chỉ đạo thực hiện ba công khai năm học 2023-2024 của Trường Mầm non Nam Hải.

- Các tổ chuyên môn và toàn thể CBGVNV trong nhà trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị Ban chỉ đạo xem xét sửa đổi. Quy chế sửa đổi có hiệu lực thi hành khi có quyết định thay thế.

Nơi nhận:

- UBND quận; Phòng GD&ĐT Hải An (để b/c);
- CBGV-NV trường MN Nam Hải (để t/h),
- Lưu hồ sơ, lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Thu Hương

BIÊN BẢN

Công khai chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục mầm non thực tế, thông tin cơ sở vật chất, thông tin độ ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT- BGDDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo năm học 2023-2024

Hôm nay, hồi 8 giờ 30 ngày 12/9/2023.

Tại văn phòng trường mầm non Nam Hải chúng tôi gồm có:

- | | | |
|---------------------------|---------------------|------------------|
| - Bà Ngô Thị Thu Hường | Hiệu trưởng | - Trưởng ban KT |
| - Bà Phạm Thị Liên | Phó Hiệu Trưởng | - Phó trưởng ban |
| - Bà Phạm Thị Hiền | Phó Hiệu Trưởng | - Phó trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Lan Hương | Trưởng ban TTND | - Ủy viên. |
| - Bà Nguyễn Thị Miên | Tổ trưởng tổ 5 tuổi | - Ủy viên. |
| - Bà Bùi Thị Thu | Kế toán | - Ủy viên. |
| - Bà Vũ Thị Duyên | Văn Thư | - Thư ký |

Lập biên bản về việc kiểm tra thực hiện công khai chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục mầm non thực tế, thông tin cơ sở vật chất, thông tin độ ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT- BGDDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo năm học 2023-2024 bằng hình thức niêm yết tại bảng công khai nhà trường (Kèm theo Biểu mẫu 01, Biểu mẫu 02, Biểu mẫu 3, Biểu mẫu 04).

- Công khai các nội dung trên trang Website.
- Niêm yết công khai tại bảng tin và cập nhật vào đầu năm (tháng 9) hoặc chỉ có sự thay đổi nội dung.
- Thời gian niêm yết bắt đầu từ 12/9/2023.
- Thực hiện niêm yết công khai chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục mầm non thực tế, thông tin cơ sở vật chất, thông tin độ ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT- BGDDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo năm học 2023-2024, niêm yết tại nơi thuận tiện cho tất cả cán bộ giáo viên, nhân viên, các bậc phụ huynh trong trường được biết.

Việc niêm yết này được thực hiện trong 07 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biểu mẫu 02

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON HẢI

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế năm học 2023- 2024

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			
			25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	364	51	90	108	115
1	Số trẻ em nhóm ghép					
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày					
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	364	51	90	108	115
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập					
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	364	51	90	108	115
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe					
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	351	48	83	105	115
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	351	48	83	105	115
1	Số trẻ cân nặng bình thường	332	44	81	100	107
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	14	4	2	2	6
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	332	42	79	102	109
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	17	5	3	3	6
5	Số trẻ thừa cân béo phì	15		1	5	9
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	351	48	83	105	115
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	48	48			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	303		83	105	115

Nam Hải, ngày 12 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
Ngô Thị Thu Hương

Biên bản lập xong vào hồi 9h30 cùng ngày đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN


Vũ Thị Duyên

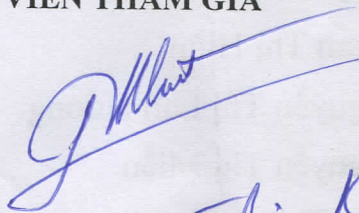
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

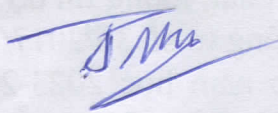


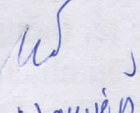

HIỆU TRƯỞNG
Ngô Thị Thu Hương

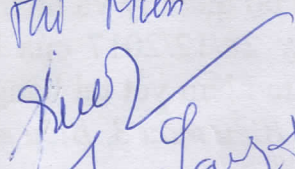
CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA


Kim Thị Phư


Phạm Thị Kim Liên


Phạm Thị Tiên


Nguyễn Thị Miên

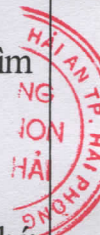

Ngô Thị Lan Hương

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Biết tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn. - 90->95% trẻ đạt sức khỏe loại 1 - 5->10% trẻ đạt sức khỏe loại 2 - Không có trẻ đạt sức khỏe loại 3. * Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 620 -> 645 Kcalo/ngày. *Cân nặng: + Kênh bình thường: 97% - >98%. + Kênh suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm dưới: 3%. * Chiều cao: + Kênh bình thường: 98->99% + Kênh thấp còi: dưới 2% +Trẻ thừa cân béo phì giảm: 2%	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân. - 85-90% trẻ đạt sức khỏe loại 1 - 10->15% trẻ đạt sức khỏe loại 2. - Không có trẻ đạt sức khỏe loại 3. *Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 680- >720 Kcalo/ngày. *Cân nặng: + Kênh bình thường: 97% - 98%; + Kênh suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm dưới: 3%. *Chiều cao: + Kênh bình thường: 98->99% + Kênh thấp còi: dưới 2% +Trẻ thừa cân béo phì giảm: 2%

II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	* Thực hiện chương trình giáo dục Mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT với các nội dung chủ điểm: 1. Bé và các bạn của bé- Vui tết trung thu 2. Đồ chơi của bé 3. Mẹ và những người thân của bé 4. Bé và các cô, bác trong trường bé – chào mừng 20 -11 5. Con vật - Ngày lễ hội bé yêu 6. Tết và Mùa xuân 7. Thế giới thực vật - Chào mừng 8-3 8. Phương tiện GT 9. Mùa hè đến rồi 10. Bé lên mẫu giáo	* Thực hiện chương trình giáo dục Mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT với các nội dung chủ điểm: 1. Trường mầm non 2. Bản thân 3. Gia đình 4. Nghề nghiệp 5. Động vật 6. Mùa xuân 7. Thực vật 8. Phương tiện giao thông 9. Nước và hiện tượng tự nhiên (Tài nguyên quanh bé 5T) 10. Quê hương, Bác Hồ- Trường tiểu học.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán và xếp hình. Xếp loại đạt: 83-85% * Thể chất: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi	* Tình cảm kỹ năng xã hội - Có ý thức về bản thân - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người sự vật, hiện tượng xung quanh - Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, tự lực - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi Xếp loại đạt: 86-90% * Thể chất: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ - Thực hiện các vận động cơ

	- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể) - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân - Xếp loại đạt: 83- 85%	bản một cách vững vàng, đúng tư thế - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động: vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian - Có kỹ năng một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân - Xếp loại đạt: 88-92 %
	* Nhận thức - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh - Có sự nhạy cảm của giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. - Xếp loại đạt: 86-88%	* Nhận thức - Ham hiểu biết thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Xếp loại đạt: 86-90%



		* Ngôn ngữ - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói - Hồn nhiên trong giao tiếp. - Xếp loại đạt: 86-88%	* Ngôn ngữ - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói giao tiếp hằng ngày - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết - Xếp loại đạt: 86-90%
			* Thẩm mỹ - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật. - Xếp loại đạt: 87-91%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Tổ chức cho trẻ tham gia Ngày hội ngày lễ: Ngày hội đến trường của bé, Ngày hội Bé vui tết trung thu, Bé làm chiến sĩ, Bé vui tết trung thu. - Tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh. - Tổ chức cho trẻ tham gia trải nghiệm.	

Nam Hải, ngày 12 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Thị Thu hường

Biểu mẫu 04

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON NAM HẢI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	44			25	8	1	3	12	2	15	27	2		
I	Giáo viên	29			28	1			12	2	15	17	2		
1	Nhà trẻ	5			5				4		1	1	1		
2	Mẫu giáo	24			13	1			8	2	14	16	1		
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	13			1	8	1	3							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán (văn thư)	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên nấu ăn	8				8									
	Lao công bảo vệ	3						3							

Nam Hải, ngày 12 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Thu Hương

Biểu mẫu 03

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON NAM HẢI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023-2024**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	8	
2	Phòng học bán kiên cố	3	
3	Phòng học tạm	2	
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.053	10.2 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.500	3.8 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		4,5 m ² /trẻ em
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	661	1.6 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	591	1.5 m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	227	0.5 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	342.5	0,8 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	380	0,31 m ² /trẻ em
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	100	0,31 m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	100	0,9 m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	13	Số bộ 13/13 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	13/13
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	8/1	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được		



	sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
1	Máy tính	18	
2	Máy in	13	
3	Ti vi (chiếc)	01	
4	Máy phôtô	1	
5	Điều hòa	19	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Nhạc cụ (Đàn organ)	2	
2	Đầu thu phát camera (bộ)	01	
3	Đồ chơi ngoài trời (bộ)	05	
4	Bàn đúng quy cách	164	
5	Ghế đúng quy cách	380	
6	Tủ ca cốc	12	
7	Tủ đồ dùng cá nhân trẻ	12	
8	Giá góc	107	
9	Bạt che nắng	19	
10	Bồn rửa tay di động	1	
11	Bộ leo núi Kim tự tháp	1	
12	Bộ liên hoàn mini thang leo	1	
13	Bộ leo chèo vận động thang bằng nhựa	1	
14	Bộ thể chất bằng gỗ	1	
15	Bộ đèn tín hiệu giao thông	1	
16	Tượng Hưu Sao		
17	Xích đu		
18	Thang dây thể chất		
19	Tượng Thỏ Và Mẹ		
20	Tượng Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn		

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)		
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em

			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20		227		0,6
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Nam Hải, ngày 12 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Thị Thu Hường

